

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 676/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh, chuyển tiếp
kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Võ Nhai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 25/01/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2606/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Võ Nhai thời kỳ 2021-2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 110/TTr-STNMT ngày 12/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, chuyển tiếp Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Võ Nhai với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch:

Tổng diện tích các loại đất phân bổ năm 2024 là 9,85 ha

(Chi tiết tại phụ lục I kèm theo)

2. Kế hoạch thu hồi các loại đất:

Tổng diện tích thu hồi đất năm 2024 là 9,85 ha

(Chi tiết tại phụ lục II kèm theo)

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 là 9,66 ha

(Chi tiết tại phụ lục III kèm theo)

4. Điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Võ Nhai:

Điều chỉnh diện tích đối với 01 dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4231/QĐ-UBND ngày 30/12/2021. Các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 4231/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh.

- Nguyên nhân, lý do điều chỉnh: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã thông qua điều chỉnh diện tích tại Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 25/01/2024.

(Chi tiết tại phụ lục IV kèm theo)

5. Danh mục các công trình, dự án:

Chuyển tiếp 01 công trình dự án sang thực hiện năm 2024 với diện tích sử dụng đất là 9,85 ha.

(Chi tiết tại phụ lục V kèm theo)

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai có trách nhiệm:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

2. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm toàn diện về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch của các ngành, lĩnh vực có liên quan, đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

3. Đối với các dự án có chuyển mục đích sử dụng từ 10 héc ta đất trồng lúa trở lên, Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai hướng dẫn các chủ đầu tư hoàn thiện đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường để báo cáo UBND tỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trước khi thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

4. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quang Tiến

Phụ lục I
Diện tích các loại đất phân bổ điều chỉnh, chuyển tiếp năm 2024
huyện Võ Nhai
(Kèm theo Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2024
của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính			
			Thị trấn Đình Cả	Xã Tràng Xá	Xã Phương Giao	Xã Bình Long
1	Đất nông nghiệp					
1.1	Đất trồng lúa					
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác					
1.3	Đất trồng cây lâu năm					
1.4	Đất rừng phòng hộ					
1.5	Đất rừng đặc dụng					
1.6	Đất rừng sản xuất					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản					
1.8	Đất làm muối					
1.9	Đất nông nghiệp khác					
2	Đất phi nông nghiệp	9,85	9,85	0,00	0,00	0,00
2.1	Đất ở tại nông thôn					
2.2	Đất ở tại đô thị	9,85	9,85			
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan					
2.4	Đất quốc phòng					
2.5	Đất an ninh					
2.6	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp					
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp					
2.8	Đất có mục đích công cộng					
2.9	Đất cơ sở tôn giáo					
2.10	Đất cơ sở tín ngưỡng					

2.11	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng					
2.12	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối					
2.13	Đất có mặt nước chuyên dùng					
2.14	Đất phi nông nghiệp khác					
3	Đất chưa sử dụng					

Phụ lục II**Kế hoạch thu hồi đất điều chỉnh, chuyển tiếp năm 2024 huyện Võ Nhai**

(Kèm theo Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2024
của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính			
			Thị trấn Đình Cả	Xã Tràng Xá	Xã Phương Giao	Xã Bình Long
1	Đất nông nghiệp	9,66	9,66	-	-	-
1.1	Đất trồng lúa	8,55	8,55			
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	0,30	0,30			
1.3	Đất trồng cây lâu năm	0,14	0,14			
1.4	Đất rừng phòng hộ	0,00				
1.5	Đất rừng đặc dụng	0,00				
1.6	Đất rừng sản xuất	0,00				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	0,66	0,66			
1.8	Đất làm muối	0,00				
1.9	Đất nông nghiệp khác					
2	Đất phi nông nghiệp	0,19	0,19	-	-	
2.1	Đất ở nông thôn					
2.2	Đất ở đô thị	0,19	0,19			
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan					
2.4	Đất an ninh					
2.5	Đất quốc phòng					
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp					
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp					
2.8	Đất có mục đích công cộng					
2.9	Đất cơ sở tôn giáo					
2.10	Đất cơ sở tín ngưỡng					
2.11	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng					
2.12	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối					
2.13	Đất có mặt nước chuyên dùng					
2.14	Đất phi nông nghiệp khác					

Phụ lục III**Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất điều chỉnh,
chuyển tiếp trong năm 2024 huyện Võ Nhai***(Kèm theo Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2024
của UBND tỉnh Thái Nguyên)**Đơn vị tính: ha*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính			
			Thị trấn Đình Cả	Xã Tràng Xá	Xã Phương Giao	Xã Bình Long
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	9,66	9,66	-	-	-
1.1	Đất trồng lúa	8,55	8,55			
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	0,30	0,30			
1.3	Đất trồng cây lâu năm	0,14	0,14			
1.4	Đất rừng phòng hộ	0,00				
1.5	Đất rừng đặc dụng	0,00				
1.6	Đất rừng sản xuất	0,00				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	0,66	0,66			
1.8	Đất nông nghiệp khác	0,00				
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp					
3	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở					

Phụ lục V
Danh mục 01 dự án chuyển tiếp sang thực hiện năm 2024
trên địa bàn huyện Võ Nhai
(Kèm theo Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2024
của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	TỔNG CỘNG		9,85	8,55			1,30
1	Đường nội bộ và Khu dân cư số 2 thị trấn Đình Cả	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	9,85	8,55			1,30

Phụ lục IV
Điều chỉnh diện tích đối với 01 dự án trên địa bàn huyện Võ Nhai

*(Kèm theo Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2024
của UBND tỉnh Thái Nguyên)*

Quyết định số 4231/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên								Nay điều chỉnh lại như sau							
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
1	Đường nội bộ và Khu dân cư số 2 thị trấn Đình Cả	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	0,65	0,64			0,01	1	Đường nội bộ và Khu dân cư số 2 thị trấn Đình Cả	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	9,85	8,55			1,30